

Số: 864/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 13 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Sơn (Tờ trình số 370/TTr-UBND 23/3/2021) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 197/TTr-TNMT ngày 06/4/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thanh Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là 55.473,21 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,29 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 6.767,95 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,29 ha.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 30.142,18 ha, giảm so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 24,23 ha.

+ Diện tích đất nông nghiệp khác là 79,57 ha, tăng so với diện tích theo Kế

hoạch được duyệt là 24,23 ha.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là 6.320,02 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,29 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất thương mại, dịch vụ là 511,60 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,21 ha.

+ Diện tích đất ở tại đô thị là 158,02 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,03 ha.

+ Diện tích đất ở tại nông thôn là 1.032,49 ha, tăng so với diện tích theo Kế hoạch được duyệt là 0,05 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung
Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2021 được duyệt (ha)	Diện tích kế hoạch năm 2021 điều chỉnh bổ sung (ha)	So sánh tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		62.110,40	62.110,40	0
1	Đất nông nghiệp	NNP	55.473,50	55.473,21	-0,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.536,55	4.536,55	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.266,59</i>	<i>3.266,59</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.563,38	1.563,38	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.768,24	6.767,95	-0,29
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.669,08	11.669,08	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	30.166,41	30.142,18	-24,23
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	714,49	714,49	
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	55,34	79,57	24,23
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.319,74	6.320,03	0,29
2.1	Đất quốc phòng	CQP	380,89	380,89	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,56	0,56	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	511,39	511,60	0,21
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	143,74	143,74	
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	465,11	465,11	
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.893,89	1.893,89	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,64	6,64	
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	157,99	158,02	0,03
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.032,44	1.032,49	0,05
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,01	23,01	
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,80	0,80	
2.12	Đất công trình sự nghiệp khác	DSK	0,07	0,07	
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,26	1,26	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2021 được duyệt (ha)	Diện tích kế hoạch năm 2021 điều chỉnh bổ sung (ha)	So sánh tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.14	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	229,54	229,54	
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	52,90	52,90	
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	26,55	26,55	
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,05	4,05	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	21,09	21,09	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	317,16	317,16	0

2. Danh mục các công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021:

Công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 04 công trình, dự án.

(Chi tiết danh mục công trình, dự án tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 điều chỉnh theo quyết định, tham mưu việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Thanh Sơn có trách nhiệm;

- Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Thanh Sơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Phụ biểu: Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Quyết định số: 864/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ Đầu tư	Diện tích	Sử dụng từ các loại đất		Căn cứ pháp lý thực hiện dự án
					CLN	RSX	
	TỔNG CỘNG			24,52	0,29	24,23	
I	Đất thương mại, dịch vụ			0,21	0,21		
1	Dự án cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu	Khu Phố Soi, xã Thục Luyện	Công ty TNHH Bảo An Petro H&H Phú Thọ	0,21	0,21		Quyết định chủ trương đầu tư số 3397/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
II	Đất ở nông thôn			0,05	0,05		
2	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất vườn) sang đất ở nông thôn cho các hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư	Các xã: Dịch Quả, Giáp Lai, Tỉnh Nhuệ	Hộ gia đình, cá nhân	0,05	0,05		QĐ số 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Sơn đến năm 2020
III	Đất ở đô thị			0,03	0,03		
3	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất vườn) sang đất ở đô thị cho các hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư	Thị trấn Thanh Sơn	Hộ gia đình, cá nhân	0,03	0,03		QĐ số 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Sơn đến năm 2020
IV	Đất đất nông nghiệp khác			24,23	0,00	24,23	
4	Dự án chăn nuôi bò thịt áp dụng công nghệ cao (Tổng diện tích dự án được phê duyệt theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ và Quyết định chủ trương đầu tư là 38,23 ha; trong đó diện tích đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích là 14,0 ha; diện tích tiếp tục thực hiện là 24,23 ha)	Khu Gò Vó, xã Tân Minh	Công ty cổ phần phân phối THL Việt Nam	24,23		24,23	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ;

